

Vietnam Daily Review

Đà giảm tiếp tục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/9/2022		•	
Tuần 19/9-23/9/2022		•	
Tháng 9/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường duy trì đà đi xuống ngay từ khi mở cửa phiên sáng. Đà bán tháo chứng lại vào cuối phiên, VN-Index giằng co tại ngưỡng 1,210-1,215 trước khi lực bán tháo lại xuất hiện một lần nữa và ép chỉ số xuống đóng cửa tại mốc 1,205.43, giảm gần 29 điểm so với phiên trước đó (tương ứng -2.32%). Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 17/19 ngành giảm điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên HNX. Ảnh hưởng từ nghị định 153 đang khiến nhà đầu tư trở nên khá tiêu cực trong hoạt động giao dịch trên thị trường. Khuyến nghị nhà đầu tư nên chờ đợi thị trường kiểm tra ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1200 điểm trước khi đưa ra quyết định đầu tư.

Hợp đồng tương lai: Các HĐ đều giảm mạnh theo sự suy yếu của VN30. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 19/9/2022, các chứng quyền trong đà giảm theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-28.6** điểm, đóng cửa **1205.43** điểm. HNX-Index **-8.63** điểm, đóng cửa **264.25** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+0.39)**, **EIB (+0.25)**, **FPT (+0.17)**, **HAG (+0.06)**, **HHV (+0.05)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-1.72)**, **BID (-1.66)**, **GAS (-1.45)**, **VCB (-1.44)**, **VHM (-1.32)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **14,891** tỷ đồng, tăng **2.39%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16706 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 31.96 điểm. Thị trường có **64** mã tăng, 42 mã tham chiếu, **399** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **149.43** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (121.5 tỷ)**, **DGC (38.98 tỷ)**, **VNM (29.4 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-9.33** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1205.43**
Giá trị: 14890.53 tỷ **-28.6 (-2.31%)**
Khối ngoại (ròng): 149.43 tỷ

HNX-INDEX **264.25**
Giá trị: 1835.55 tỷ **-8.63 (-3.16%)**
Khối ngoại (ròng): -9.33 tỷ

UPCOM-INDEX **88.34**
Giá trị: 629.02 tỷ **-1.12 (-1.25%)**
Khối ngoại (ròng): -5.52 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	84.3	-0.93%
Giá vàng	1,662	-0.80%
Tỷ giá USD/VND	23,671	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,823	-0.07%
Tỷ giá JPY/VND	16,497	0.00%
LS liên NH 1 tháng	4.8%	0.10%
LS TPCP 5 năm	3.3%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	121.50	VND	-21.62
DGC	38.98	DGW	-19.89
VNM	29.40	SSI	-10.83
VCB	22.14	KDH	-9.80
VRE	21.96	E1VFN3C	-9.26

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Hiệu suất PTKT	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/5/2022	DRC	29.5	34	27.5	29.3	45	-0.68%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/3/2022	REE	81.2	93	76	82.3	47	1.35%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/2/2022	POW	13.75	16	13	13.5	48	-1.82%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/18/2022	GVR	23.2	28	21.9	22.9	63	-1.29%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:							(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

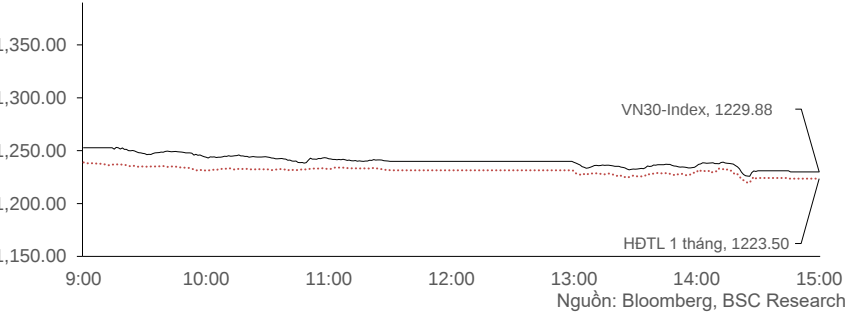
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/18/2022	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
8/4/2022	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
8/1/2022	NLG	41.25	48.25	38.6	SL	46	-6.42%
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/8/2022	GVR	27.05	33.5	24	SL	5	-11.28%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất			TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm		

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	1	3	1.35%	-1.26%	-0.61%	51
Cổ phiếu đã chốt	249	225	7.10%	-7.51%	4.12%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2210	1223.50	-1.09%	-6.38	50.5%	263,620	10/20/2022	33
VN30F2211	1222.10	-1.04%	-7.78	27.8%	239	11/17/2022	61
VN30F2212	1224.30	-1.01%	-5.58	-75.3%	62	12/15/2022	89
VN30F2203	1221.00	-0.83%	-8.88	-63.7%	66	3/16/2023	180

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -22.9 điểm xuống 1229.88 điểm, biên độ dao động 28.27 điểm. Các cổ phiếu như TCB, VPB, MBB, STB, và VHM đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Hôm nay chỉ số VN30 giảm gần 2% và phát tín hiệu bán mạnh vào cuối phiên với thanh khoản vượt đường MA20, chỉ báo phân tích kỹ thuật đang cho thấy dấu hiệu điều chỉnh ngắn hạn. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên tới.
- Các HĐ đều giảm mạnh theo sự suy yếu của VN30. Xét về KLGD, HĐ VN30F2303 và VN30F2212 giảm, hai HĐ còn lại tăng. Xét về vị thế mở, các HĐ đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2210	10/20/2022	31	6.05:1	10,700	37.18%	1,100	20	100.00%	0	19,219.19	36,323	47,777	22,650
CVRE2209	12/27/2022	99	8:1	52,700	39.53%	1,000	400	8.11%	223	1.80	33,848	30,888	29,100
CVRE2210	12/7/2022	79	4:1	227,500	39.53%	2,300	950	6.74%	605	1.57	32,400	28,800	29,100
CVRE2211	3/28/2023	190	8:1	293,200	39.53%	1,000	690	6.15%	463	1.49	34,088	28,888	29,100
CHPG2211	10/19/2022	30	3.02:1	522,200	37.18%	2,400	40	0.00%	0	1,464.71	33,843	44,500	22,650
CNVL2210	3/10/2023	172	16:1	12,100	24.76%	1,100	820	0.00%	307	2.67	101,688	88,888	85,000
CFPT2204	12/7/2022	79	8.15:1	94,100	32.84%	2,900	930	0.00%	488	1.90	96,354	87,498	83,100
CVNM2209	3/10/2023	172	16:1	100	27.62%	1,000	800	0.00%	355	2.25	94,168	76,888	75,200
CMSN2207	1/9/2023	112	9.92:1	11,800	41.89%	1,940	1,180	0.00%	544	2.17	141,351	129,000	112,500
CVJC2206	3/10/2023	172	20:1	47,700	27.76%	1,300	650	0.00%	182	3.57	149,199	132,999	115,000
CMSN2208	10/7/2022	18	14.8:1	100	41.89%	2,400	790	-1.25%	650	1.21	120,217	104,233	112,500
CVRE2212	1/13/2023	116	2:1	59,000	39.53%	1,000	800	-4.76%	1,191	0.67	32,060	30,000	29,100
CSTB2213	1/3/2023	106	8:1	364,000	45.29%	1,000	310	-11.43%	146	2.13	28,684	24,444	21,600
CPOW2207	12/12/2022	84	4:1	179,200	49.67%	1,000	530	-11.67%	269	1.97	17,791	14,111	13,500
CPOW2204	3/28/2023	190	5:1	946,000	49.67%	1,000	600	-13.04%	370	1.62	17,779	13,979	13,500
CKDH2212	3/10/2023	172	8:1	63,100	31.29%	1,000	500	-15.25%	95	5.27	47,279	41,999	33,650
CMBB2206	10/3/2022	14	8.33:1	171,900	34.64%	1,000	330	-21.43%	303	1.09	24,016	22,222	21,000
CPOW2208	3/10/2023	172	4:1	100	49.67%	1,000	600	-25.00%	327	1.84	18,302	15,222	13,500
CVIC2205	10/20/2022	31	16:1	131,700	25.01%	1,100	30	-25.00%	0	8,883.62	87,626	86,666	62,900
CTCB2204	10/7/2022	18	5:1	73,900	31.79%	2,400	20	-33.33%	0	626.94	45,750	45,000	35,050
Tổng				3,261,100	37.31%**								

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 19/9/2022, các chứng quyền trong đã giảm theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CVPB2206 và CHDB2208 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 150% và 100%. Giá trị giao dịch giảm -8.63%. CHPG2211 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 24.9%.
- CHPG2216, CSTB2214, CFPT2205, và CSTB2215 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVNM2209, CVIC2203, CHPG2212, và CPOW2207 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2207, CHPG2216, CMWG2208, và CMWG2209 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

BSC

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	70.5	-2.1%	0.6	4,487	12.9	3,436	20.5	4.6	49.0%	24.2%
PNJ	Bán lẻ	112.0	-1.1%	0.6	1,198	2.5	5,978	18.7	3.4	48.3%	20.1%
BVH	Bảo hiểm	53.1	-5.2%	1.2	1,714	4.7	2,411	22.0	1.8	26.4%	8.4%
PVI	Bảo hiểm	42.1	-3.7%	0.7	429	0.1	3,289	12.8	1.2	58.6%	9.9%
VIC	Bất động sản	62.9	0.6%	0.5	10,430	2.1	(74)	#N/A N/A	2.3	12.2%	-0.2%
VRE	Bất động sản	29.1	-2.5%	1.1	2,875	2.0	571	51.0	2.1	32.0%	4.2%
VHM	Bất động sản	58.4	-2.0%	0.8	11,056	5.0	6,478	9.0	2.1	23.2%	25.9%
DXG	Bất động sản	24.1	-2.0%	1.4	637	11.6	1,223	19.7	1.6	29.4%	8.2%
SSI	Chứng khoán	19.9	-5.9%	1.8	1,288	20.1	2,674	7.4	1.5	34.8%	22.0%
VCI	Chứng khoán	32.5	-6.9%	1.0	615	10.3	3,497	9.3	2.0	17.0%	24.3%
HCM	Chứng khoán	24.9	-5.5%	1.6	494	8.3	2,522	9.9	1.5	40.7%	17.5%
FPT	Công nghệ	83.1	0.7%	1.0	3,964	6.4	4,512	18.4	4.7	49.0%	27.1%
FOX	Công nghệ	66.0	-1.6%	0.4	942	0.0	4,926	13.4	3.6	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	108.0	-2.7%	1.0	8,987	2.4	6,669	16.2	3.5	3.0%	24.3%
PLX	Dầu khí	38.0	-2.9%	1.5	2,099	1.9	723	52.6	2.1	17.5%	3.8%
PVS	Dầu khí	25.0	-6.7%	1.6	520	13.2	1,104	22.6	1.0	10.6%	4.4%
BSR	Dầu khí	22.3	-5.1%	0.8	3,006	9.0	2,108	10.6	1.8	41.1%	19.1%
DHG	Dược	90.2	-0.8%	0.3	513	0.0	6,361	14.2	3.1	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	48.5	-6.9%	1.3	825	11.5	14,563	3.3	1.4	15.2%	51.9%
DCM	Hóa chất	34.5	-6.9%	1.3	793	15.3	7,025	4.9	1.8	8.5%	44.7%
VCB	Ngân hàng	78.8	-1.5%	0.8	16,214	3.2	5,273	14.9	3.0	23.5%	21.9%
BID	Ngân hàng	34.2	-3.7%	1.2	7,522	1.9	2,562	13.3	1.9	16.9%	15.0%
CTG	Ngân hàng	25.5	-2.7%	1.5	5,328	2.6	3,056	8.3	1.2	26.8%	15.1%
VPB	Ngân hàng	29.9	-2.1%	1.2	5,818	19.7	3,755	8.0	1.5	17.7%	22.2%
MBB	Ngân hàng	21.0	-3.7%	1.3	4,140	7.7	3,467	6.1	1.4	23.2%	26.0%
ACB	Ngân hàng	22.9	-1.3%	1.1	3,355	2.5	3,482	6.6	1.5	30.0%	25.4%
BMP	Nhựa	61.1	-1.9%	0.7	217	0.1	4,413	13.8	2.0	85.2%	15.2%
NTP	Nhựa	38.3	-5.9%	0.6	216	0.2	3,914	9.8	1.7	17.8%	18.0%
MSR	Tài nguyên	18.7	-1.6%	1.6	894	0.1	178	105.1	1.4	10.1%	1.4%
HPG	Thép	22.7	-1.5%	1.1	5,726	27.3	4,747	4.8	1.3	20.8%	31.8%
HSG	Thép	16.0	-7.0%	1.5	416	11.9	3,511	4.6	0.8	5.5%	19.3%
VNM	Tiêu dùng	75.2	-1.1%	0.5	6,833	4.6	4,055	18.5	4.6	54.9%	25.8%
SAB	Tiêu dùng	185.3	0.0%	0.8	5,166	1.2	7,018	26.4	5.2	62.8%	21.0%
MSN	Tiêu dùng	112.5	-0.3%	1.0	6,964	2.7	7,172	15.7	5.5	29.0%	40.2%
SBT	Tiêu dùng	16.6	0.0%	1.6	454	1.1	1,381	12.0	1.2	8.2%	8.3%
ACV	Vận tải	83.9	-0.7%	0.8	7,941	0.0	363	231.3	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	115.0	-0.6%	1.1	2,708	1.7	176	652.8	3.6	16.4%	0.6%
HVN	Vận tải	14.6	-2.0%	1.7	1,401	0.5	(4,373)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	47.0	-4.1%	1.0	616	2.8	2,705	17.4	2.1	47.0%	12.5%
PVT	Vận tải	20.8	-5.7%	1.4	292	3.4	1,982	10.5	1.2	14.8%	12.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	70.0	-4.1%	0.9	487	0.7	10,334	6.8	2.3	2.9%	36.9%
VGC	Vật liệu xây dựng	57.2	-7.0%	0.7	1,115	6.3	4,350	13.1	3.3	5.3%	27.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.0	-2.0%	1.1	249	0.4	505	29.7	1.1	1.9%	3.6%
CTD	Xây dựng	67.9	-3.4%	1.2	218	2.4	(958)	#N/A N/A	0.6	52.6%	-0.8%
CII	Xây dựng	20.7	-7.0%	1.5	226	7.6	1,446	14.3	0.9	9.7%	6.9%
REE	Điện	82.3	-2.1%	-1.4	1,272	3.5	6,593	12.5	2.0	49.1%	17.7%
PC1	Điện	38.2	-3.4%	-0.4	391	6.1	2,081	18.4	1.8	4.6%	10.5%
POW	Điện	13.5	-5.3%	0.6	1,375	15.4	676	20.0	1.1	2.6%	5.3%
NT2	Điện	30.2	-2.6%	0.6	378	3.3	3,116	9.7	2.0	13.9%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	27.9	-7.0%	1.6	931	7.3	324	86.0	1.5	17.5%	2.1%
BCM	Khu công nghiệp	97.3	-1%	0.9	4,379	1.2	1,640	59.3	5.8	2.8%	11.2%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	62.90	0.64	0.39	786000
EIB	34.90	2.35	0.25	2.06MLN
FPT	83.10	0.73	0.17	1.78MLN
HAG	13.85	1.84	0.06	36.67MLN
HHV	15.70	5.02	0.05	8.79MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GVR	0.00	-1.45	501200	1.11MLN
BID	0.00	-1.44	938500	607060
GAS	0.00	-1.32	1.94MLN	373600
VCB	0.00	-0.85	2.35MLN	192700
VHM	0.00	-0.84	3.78MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LEC	8.03	6.92	0.00	5800.00
HVX	4.60	5.99	0.00	48200
HHV	15.70	5.02	0.05	8.79MLN
CVT	42.55	4.80	0.02	300
BMC	20.25	4.65	0.00	367700

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	22.90	-6.91	-1.72	3.15MLN
BID	34.20	-3.66	-1.66	1.28MLN
GAS	108.00	-2.70	-1.45	501200.00
VCB	78.80	-1.50	-1.44	938500
VHM	58.40	-2.01	-1.32	1.94MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

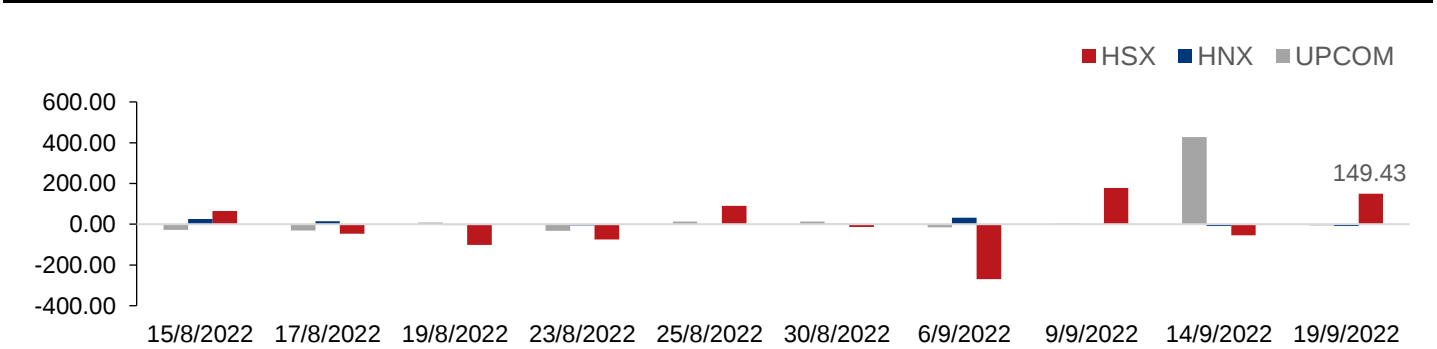
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HUT	25.50	2.00	0.17	3.86MLN
PLC	29.70	6.83	0.06	1.84MLN
DNP	24.80	1.22	0.04	7200
LHC	66.80	2.93	0.03	300.00
HTC	25.70	9.83	0.03	200

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	51.90	-9.90	-2.31	8.85MLN
SHS	10.80	-5.26	-0.72	9.88MLN
PVS	25.00	-6.72	-0.71	11.72MLN
NVB	21.90	-3.10	-0.55	153900
THD	47.70	-1.45	-0.40	17500

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNT	68.40	10.0	0.02	800
PDB	18.90	9.9	0.02	20900
GDW	21.20	9.8	0.00	100
HTC	25.70	9.8	0.03	200
VSM	26.00	9.2	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DIH	38.70	-10.21	-0.03	3700
ART	2.70	-10.00	-0.05	2.87MLN
CSC	68.40	-10.00	-0.16	280500
HGM	46.80	-10.00	-0.05	1000
KKC	14.40	-10.00	0.00	38400

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	83.9	363	231.3	4.9	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	13/09/22	112.2	145.5	112.0	5,978	18.7	3.4	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	21.4	0	#N/A N/A	0.9	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	83.1	4,512	18.4	4.7	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	61.1	4,413	13.8	2.0	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	63.1	4,637	13.6	2.5	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	33.7	1,755	19.2	2.2	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	55.8	9,171	6.1	2.0	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	83.7	11,226	7.5	2.1	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	61.0	4,901	12.4	2.5	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	22.3	2,108	10.6	1.8	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	36.4	1,966	18.5	1.6	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	24.1	1,223	19.7	1.6	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	22.7	4,747	4.8	1.3	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	25.8	1,127	22.9	1.3	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	48.5	14,563	3.3	1.4	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	15.0	505	29.7	1.1	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	30.2	3,116	9.7	2.0	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	21.4	0	#N/A N/A	0.9	Click
20	LHG	BĐS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	31.9	2,692	11.8	1.1	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	20.3	1,168	17.3	1.8	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	38.2	2,081	18.4	1.8	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	13.5	676	20.0	1.1	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	20.7	6,984	3.0	0.9	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	82.3	6,593	12.5	2.0	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	36.5	4,406	8.3	1.0	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	108.0	6,669	16.2	3.5	Click
28	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	45.3	3,842	11.8	2.1	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	22.7	4,747	4.8	1.3	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	14.2	4,170	3.4	1.5	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	22.3	2,108	10.6	1.8	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	69.0	3,616	19.1	5.8	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	112.0	5,978	18.7	3.4	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	15.1	1,889	8.0	0.7	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	30.2	3,116	9.7	2.0	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	68.5	10,763	6.4	1.3	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	84.0	5,014	16.8	5.4	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	38.2	2,081	18.4	1.8	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	14.3	179	79.9	0.7	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	83.1	4,512	18.4	4.7	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	29.3	2,277	12.9	2.0	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	20.7	6,984	3.0	0.9	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.5	676	20.0	1.1	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	112.0	5,978	18.7	3.4	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	70.5	3,436	20.5	4.6	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	20.8	1,982	10.5	1.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
9	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
10	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
14	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
17	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
19	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
20	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
21	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
22	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
23	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
26	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
29	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
32	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THỂ GIỚI	x		Click
33	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
35	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
37	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
39	Banking Sector Outlook		x	Click
40	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
42	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
43	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
43	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639